

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73/2021/DS-ST**

Ngày 08/3/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Bảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bền

Ông Nguyễn Văn Y

-Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Không có.

Ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã TH, huyện CT, Tiền Giang

2. *Bị đơn:* **Dương Thị L**, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp KP, xã THĐ, huyện CT, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Trong đơn khởi kiện ngày 22/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Vào ngày 25/12/2019 chị có cho chị Dương Thị L vay số tiền 19.800.000 đồng với thời hạn vay là một tháng. Hai bên có làm bản hợp đồng cho mượn tiền, chị L điền thông tin vào mẫu và ký ghi họ tên. Trong hợp đồng không có ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng là lãi suất 3%/tháng. Khi đến hạn, chị L không trả vốn và lãi, chị có nhiều lần đi đòi nhưng chị L không trả và còn thách thức đi thưa.

Nay, chị khởi kiện yêu cầu buộc chị Dương Thị L có nghĩa vụ trả lại cho chị số tiền vay 19.800.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng trên vốn gốc tính từ ngày vay đến ngày xét xử, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị Dương Thị L đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng không đến Tòa án và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thúy H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã trình bày, yêu cầu chị L trả tiền vốn 19.800.000 đồng và tiền lãi 10%/năm trên tiền vốn từ ngày vay đến ngày xét xử, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị Dương Thị L vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Dương Thị L được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thúy H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chị L trả tiền vốn 19.800.000 đồng và tiền lãi 10%/năm tính trên tiền vốn từ ngày vay đến ngày xét xử, trả khi án có hiệu lực pháp luật

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến ngày xét xử, bị đơn Dương Thị L vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Theo bản hợp đồng cho mượn tiền đề ngày 25/12/2019 do nguyên đơn cung cấp thì thấy rằng chị H có cho chị L vay số tiền là 19.800.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày. Theo chị H thì đến hạn chị L không trả dù chị H đi đòi nhiều lần, đến nay vẫn chưa trả khoản tiền nào.

Chị L không có văn bản nêu ý kiến gì đối với yêu cầu của chị H dù đã được triệu tập đến Tòa án nhiều lần và được thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Xét, qua lời trình bày của bên nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bị đơn cũng không có ý kiến phản đối gì nên căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Như vậy có đủ cơ sở xác định chị L có vay chị H số tiền 19.800.000 đồng với thời hạn 30 ngày, đến nay chưa trả. Do đó nay chị H yêu cầu chị L trả số tiền 19.800.000đ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi, chị H cho rằng thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng chị không có tài liệu chứng cứ chứng minh, bị đơn không đến Tòa án nên không làm rõ được ý kiến này của nguyên đơn.

Xét, theo bản hợp đồng cho mượn tiền thì không có ghi mức lãi suất nên Hội đồng xét xử xác định là vay không có lãi.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự (BLDS) thì trường hợp này nguyên đơn có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bên nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi trên tiền vốn với mức lãi suất là 10%/năm, yêu cầu này phù hợp với khoản 2 Điều 468 BLDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ ngày 25/12/2019 đến ngày xét xử (08/3/2021) tính tròn là 14 tháng.

Như vậy $19.800.000đ \times 10\%/năm = 1.980.000$ đồng/năm. Chia ra mỗi tháng là 165.000 đồng. Tổng cộng 14 tháng $\times 165.000đ = 2.310.000$ đồng

Như vậy tổng cộng số tiền vốn và lãi là 22.110.000 đồng, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy H.

1. Buộc chị Dương Thị L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền 22.110.000đ (Hai mươi hai triệu một trăm mười ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp chị L chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Dương Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.105.500 đồng.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền tạm ứng án phí 558.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003383 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Bảnh